

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 41/1999/TT-BTC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 1999

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thi hành Nghị định số 14/1999/NĐ-CP ngày 23/3/1999 của Chính phủ về ban hành Danh mục hàng hoá và thuế suất của Việt Nam để thực hiện Hiệp định ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) của các nước Asean cho năm 1999

Thực hiện Nghị định thư về việc tham gia của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam vào Hiệp định về Chương trình ưu đãi Thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) để thực hiện Khu vực Mậu dịch Tự do của ASEAN (AFTA), ký tại Băng-Cốc ngày 15/12/1995;

Thi hành Nghị định số 14/1999/NĐ-CP ngày 23 /3/1999 của Chính phủ về ban hành Danh mục hàng hoá và thuế suất để thực hiện Hiệp định ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) của các nước ASEAN cho năm 1999;

Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện như sau:

I. PHẠM VI ÁP DỤNG

Hàng hoá nhập khẩu thuộc diện áp dụng thuế suất ưu đãi CEPT, qui định tại Điều 1 của Nghị định số 14/1999/NĐ-CP ngày 23/3/1999 của Chính phủ phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Là mặt hàng có trong Danh mục hàng hoá ban hành kèm theo Nghị định số 14/1999/NĐ-CP ngày 23/3/1999 của Chính phủ;
2. Là mặt hàng nhập khẩu từ các nước thành viên ASEAN vào Việt Nam, bao gồm các nước sau:
 - Bru-nây
 - Cộng hoà In-đô-nê-xi-a
 - Ma-lay-xi-a

- Cộng hoà Phi-lip-pin
- Cộng hoà Sing-ga-po
- Vương quốc Thái lan
- Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào
- Liên bang My-a-ma

3. Là mặt hàng đảm bảo tiêu chuẩn về hàm lượng xuất xứ theo CEPT và có xác nhận xuất xứ hàng hoá từ các nước ASEAN (qui định tại Phần III của Thông tư này)

4. Hàng được chuyển thẳng từ nước xuất khẩu là thành viên của ASEAN đến Việt nam (qui định tại Phần IV của Thông tư này)

II. THUẾ SUẤT ÁP DỤNG

1. Mức thuế suất thuế nhập khẩu áp dụng cho hàng hoá nhập khẩu thuộc diện hưởng thuế suất ưu đãi CEPT theo qui định tại Phần I của Thông tư này là thuế suất qui định tại Danh mục hàng hoá và thuế suất ban hành kèm theo Nghị định số 14/1999/NĐ-CP ngày 23 /3/1999 của Chính phủ.

2. Trường hợp hàng hoá nhập khẩu không đáp ứng đủ các điều kiện tại Phần I của Thông tư này, mức thuế suất thuế nhập khẩu áp dụng sẽ là mức thuế suất của mặt hàng đó qui định tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành hoặc mức thuế suất thông thường theo các qui định hiện hành về xác định mức thuế nhập khẩu.

3. Trường hợp Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi có những sửa đổi thuế suất thấp hơn so với thuế suất của các mặt hàng thuộc diện hưởng thuế suất ưu đãi CEPT qui định tại Danh mục hàng hoá ban hành kèm theo Nghị định của số 14/1999/NĐ-CP ngày 23/3/1999 của Chính phủ, những mặt hàng này sẽ được áp dụng theo mức thuế suất ưu đãi thấp hơn đó;

4. Trường hợp có những thay đổi đối với những mặt hàng trong các văn bản pháp lý của các nước ASEAN ban hành để thực hiện Hiệp định CEPT làm ảnh hưởng đến quyền được hưởng các thuế suất ưu đãi của Việt nam qui định tại Phần I, Bộ Tài chính sẽ có hướng dẫn phù hợp với từng trường hợp cụ thể.

III. GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ VÀ KIỂM TRA GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ